

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/DS-ST
Ngày: 13 – 12 – 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hăng.
2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kim L, sinh năm 1984.

HKTT: Số **, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Địa chỉ cư trú: Số **, ấp BC, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Số **, tổ **, ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Phan Thị Kim L có mặt tại phiên tòa; anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phan Thị Kim L trình bày:

Chị Phan Thị Kim L cho anh Nguyễn Văn N vay nhiều lần, với tổng số

tiền 90.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là 12 tháng, ngày 08/12/2018 âm lịch (ngày 13/01/2019 dương lịch) chị L có đề nghị anh N làm biên nhận nợ số tiền 90.000.000 đồng.

Từ khi vay đến nay, anh N chưa trả cho chị L được bất kỳ khoản tiền vốn và lãi nào. Từ năm 2019 đến nay, chị L đã nhiều lần yêu cầu anh N trả khoản tiền vay nhưng anh N không trả.

Nay, chị Phan Thị Kim L yêu cầu anh Nguyễn Văn N trả cho chị L số tiền vốn là 90.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 13/01/2019 đến ngày 13/12/2019 là 02 năm 11 tháng, mức lãi suất là 20%/năm, thành tiền là 52.500.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 142.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi anh N hoàn thành việc trả nợ.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phan Thị Kim L.

Buộc anh Nguyễn Văn N trả cho chị L số tiền vốn là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 52.500.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 142.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên nhận ngày 08/12/2018 âm lịch (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn N cư trú tại số 824, tổ 19, ấp Bình Trung, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản theo Biên nhận ngày 08/12/2018 (âm lịch).

Xét thấy, khi đạt được sự thỏa thuận, chị L và anh N xác lập Hợp đồng vay tài sản theo Biên nhận ngày 08/12/2018 (âm lịch). Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, chị L và anh N có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng vay tài sản thì chị L và anh N đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa chị L và anh N có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Phan Thị Kim L về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn N trả cho chị L số tiền vốn là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Xét thấy, chị L xác định, chị L đã giao cho anh N nhiều lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, thì thời hạn vay là 12 tháng, nên khi hết thời hạn vay thì anh N có nghĩa vụ trả nợ cho chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị L xác định từ khi vay đến nay, anh N chưa trả cho chị L được bất kỳ khoản tiền nào. Mặc dù, chị L đã yêu cầu nhiều lần yêu cầu anh N trả khoản tiền vay từ năm 2019 đến nay, nhưng anh N không trả. Như vậy, có cơ sở xác định anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị L theo thỏa thuận. Cho nên, chị L yêu cầu anh N số tiền vốn 90.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Chị L yêu cầu anh N trả tiền lãi từ ngày 13/01/2019 đến ngày 13/12/2021 là 02 năm 11 tháng, với mức lãi suất là 20%/năm, thành tiền là 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Xét thấy, chị L xác định, hợp đồng vay giữa chị L và anh N là hợp đồng vay có lãi suất và từ khi vay đến nay, anh N chưa trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho chị L. Do đó, chị L yêu cầu anh N trả tiền lãi là 52.500.000 đồng là phù hợp

theo quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích đã nêu trên, chị Phan Thị Kim L yêu cầu anh Nguyễn Văn N trả cho chị L số tiền vốn là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 52.500.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 142.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phan Thị Kim L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L nên anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim L.

Buộc anh Nguyễn Văn N trả cho chị L số tiền vốn là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 52.500.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 142.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Văn N phải chịu số tiền án phí là 7.125.000 đồng (Bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trả cho chị Phan Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.150.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số: 0014467 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên